

HCTC
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5380 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
và cán bộ, công chức cấp xã năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Căn cứ Văn bản số 4301/BNV-ĐT ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02 tháng 3 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 5634/SNV-QLBC&CCVC ngày 27 tháng 12 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã năm 2022.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Sở Nội vụ (03b);
- Trường Chính trị tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PTTH Đồng Nai;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX.

E/Hải-VX/12.2021

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Tiến Dũng



KẾ HOẠCH

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã năm 2022

(Kèm theo Quyết định số 5380/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh)

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã (gọi tắt là cán bộ, công chức, viên chức) năm 2022 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

- Trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng xây dựng nền hành chính hiện đại.

- Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; yêu cầu vị trí việc làm; gắn với công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Bảo đảm đạt các mục tiêu, chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng trong kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành¹ và công khai, minh bạch, hiệu quả.

II. Nội dung

1. Đối tượng

a) Cán bộ, công chức ở các sở và cơ quan tương đương sở (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), UBND huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện).

b) Cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

c) Viên chức ở các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là viên chức).

d) Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

đ) Đối tượng được áp dụng quy định về đào tạo, bồi dưỡng đối với công chức và viên chức.

2. Nội dung, nhiệm vụ và giải pháp đào tạo, bồi dưỡng

Thực hiện theo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh. Đồng thời, thực hiện một số nội dung sau:

¹ Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được ban hành kèm theo Quyết định số 5067/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh;

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý năm 2022. Tập trung xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công việc, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Thực hiện phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý, thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định 05/2020/QĐ-UBND của UBND tỉnh² và các văn bản khác có liên quan.

- Chủ động đề xuất, biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh xây dựng, ban hành, quản lý³, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) phê duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Tập trung biên soạn các chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm. Nội dung chương trình, tài liệu phải đảm bảo kết hợp giữa lý luận và thực tiễn; kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng thực hành; tăng cường tích hợp, lồng ghép các chương trình bồi dưỡng có nội dung tương đồng; không được trùng lặp. Chương trình, tài liệu phải thường xuyên được bổ sung, cập nhật, nâng cao, phù hợp với tình hình thực tế.

- Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có đủ điều kiện, được UBND tỉnh có quyết định giao nhiệm vụ bồi dưỡng, tổ chức thực hiện chương trình bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, chuyên môn, nghiệp vụ thuộc thẩm quyền quản lý. Thí điểm bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo loại hình từ xa. Trên cơ sở các quy định về tổ chức bồi dưỡng theo loại hình tập trung, rà soát các quy trình, thủ tục và lựa chọn mô hình triển khai phù hợp với yêu cầu, điều kiện, đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

4. Tổ chức thực hiện các Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh triển khai theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ nội dung có liên quan đến đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức như: Quyết định số 163/QĐ-TTg⁴; Quyết định số 705/QĐ-TTg⁵; Quyết định số 1659/QĐ-TTg⁶; Quyết định số 732/QĐ-TTg⁷, Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg⁸;...

²Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Đồng Nai.

³Chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu VTVL chuyên môn nghiệp vụ đối với CBCCVC và CBCC cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý.

⁴Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2025.

⁵Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thuộc các cơ quan trong hệ thống chính trị đến năm 2030

⁶Quyết định số 1659/QĐ-TTg ngày 19/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức";

⁷Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ QLGD đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025"

⁸Chỉ thị số 38/2004/CT-TTg ngày 09/11/2004 về việc đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng tiếng dân tộc thiểu số đối với cán bộ, công chức, công tác ở vùng dân tộc, miền núi

- Quan tâm thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số theo quy định.

3. Phụ lục đào tạo, bồi dưỡng (kèm theo)

- Đối với cán bộ, công chức cấp tỉnh, huyện: Phụ lục số 1.
- Đối với viên chức: Phụ lục số 2.
- Đối với cán bộ, công chức cấp xã: Phụ lục số 3.

III. Kinh phí thực hiện

Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tiếp tục thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Nghị quyết số 180/2019/NQ-HĐND và Nghị quyết số 32/2020/NQ-HĐND cho đến khi có văn bản hướng dẫn thực hiện theo Nghị định số 89/2021/NĐ-CP. Địa phương cân đối nguồn ngân sách hỗ trợ kinh phí cho cán bộ, công chức, viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng theo quy định.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa, Long Khánh và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tại kế hoạch này và tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh⁹, chủ động tham mưu thực hiện hoàn thành những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đề ra. Đồng thời, xây dựng dự toán kinh phí tổ chức các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được giao, bảo đảm kinh phí thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2022 theo quy định. Việc sử dụng kinh phí đối với loại hình từ xa thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính¹⁰ và hướng dẫn của Sở Tài chính. Trong quá trình triển khai thực hiện, các đơn vị có khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp gửi về Sở Nội vụ, Sở Tài chính tổng hợp báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh và Bộ, ngành liên quan.

2. Giao Sở Nội vụ tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch và rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế địa phương (nếu có); kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo Bộ Nội vụ và UBND tỉnh theo quy định.

3. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Tham mưu Thường trực Tỉnh ủy chỉ đạo Trường Chính trị tỉnh thực hiện giải pháp nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo Quyết định số 163/QĐ-TTgCP của Thủ tướng Chính phủ; nhiệm vụ được phân công tại Nghị

⁹ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trên địa bàn tỉnh.

¹⁰ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

định số 101/2017/NĐ-CP, Nghị định số 89/2021/NĐ-CP và Quyết định số 5067/QĐ-UBND.

Trong quá trình thực hiện, phát sinh vấn đề khó khăn, vướng mắc, đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để cho ý kiến tổ chức thực hiện./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

PHỤ LỤC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 380 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 1

TT	Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (lượt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
I	Đào tạo	3	4	5	6
1	Trình độ tiến sĩ Chuyên ngành Luật học, Tôn giáo học, Chuyên khoa cấp II, chuyên ngành Y, được...	Cán bộ, công chức đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 1, Điều 6, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, phù hợp nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	4	Theo phân cấp quản lý	
2	Trình độ thạc sĩ Chuyên ngành Luật, Hành chính, Quản lý kinh tế, Chính sách công, Quản lý giáo dục, Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y, được...		38		
II	Bồi dưỡng				
1	Lý luận chính trị	Thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Kế hoạch được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt			
2	Kiến thức quốc phòng và an ninh (đối tượng 1, 2, 3)	Đối tượng 1, 2 thực hiện theo văn bản triển khai của Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đối tượng 3 thực hiện theo Kế hoạch của Hội đồng GDP tỉnh.			
3	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức				
3.1	Ngạch chuyên viên	Thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Kế hoạch được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt			
3.2	Ngạch chuyên viên chính	Theo quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ; ưu tiên cán bộ, công chức được quy hoạch lãnh đạo, quản lý cấp phòng trở lên	100	Sở Nội vụ	
3.3	Ngạch chuyên viên cao cấp	Thực hiện theo quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ và thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; ưu tiên cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý cấp sở, cấp huyện.	20	Sở Nội vụ	
3.4	Ngạch kế toán viên	Thực hiện theo thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	100	Sở Tài chính	

TT	Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (tuyệt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
3.5	Ngạch công chức khác: Kế toán viên chính, Thanh tra viên cao cấp, Thanh tra viên chính, Thanh tra viên, Kiểm dịch động vật, Văn thư ...	Thực hiện theo thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	100	Sở Nội vụ phối hợp sở, ngành quản lý lĩnh vực liên quan	
4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm				
4.1	Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý				
4.1.1	Cấp phòng và tương đương	Thực hiện theo quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ	100	Sở Nội vụ	
4.1.2	Cấp huyện và tương đương	Thực hiện theo quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ và thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	35	Sở Nội vụ	
4.1.3	Cấp Sở và tương đương	Thực hiện theo quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ và thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	48	Sở Nội vụ	
4.2	Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ (nghiệp vụ chuyên ngành; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung)				
4.2.1	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phương pháp hoạt động của Đại biểu Hội đồng nhân dân	Đại biểu HĐND cấp huyện	387	Sở Nội vụ	
4.2.2	Bồi dưỡng năng cao nhận thức và kỹ năng số trong cơ quan nhà nước	Đối tượng có vị trí việc làm phù hợp	120	Sở Thông tin và Truyền thông	
4.2.3	Bồi dưỡng kỹ năng biên phiên dịch Tiếng Anh	Đối tượng có vị trí việc làm biên phiên dịch Tiếng Anh	35	Sở Ngoại vụ	
4.2.4	Bồi dưỡng kỹ năng, kiến thức đối ngoại, nghiệp vụ Lễ tân đối ngoại	Đối tượng có vị trí việc làm phù hợp	380	Sở Ngoại vụ	
4.2.5	Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo	Công chức làm công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo	50	Thanh tra tỉnh	
4.2.6	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cơ bản về pháp luật quốc tế	Đối tượng có vị trí việc làm liên quan	30	Sở Tư pháp	
4.2.7	Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	Đối tượng 2, 3, 4 được quy định tại Kế hoạch số 478/KH-UBND ngày 15/01/2020 của UBND tỉnh	320	Ban Dân tộc	

TT	Nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (lượt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
4.2.8	Bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC	Thực hiện theo Quyết định số 1234/QĐ-BNV ngày 03/12/2021 của Bộ Nội vụ	40	Sở Nội vụ	

Lưu ý: Ngoài các chương trình bồi dưỡng do tỉnh tổ chức trên, đề nghị các đơn vị chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn các nội dung, chương trình còn lại theo yêu cầu vị trí việc làm cho cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền quản lý (bồi dưỡng đạo đức công vụ; phòng chống tham nhũng, ..)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 2

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (tuyệt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
I Đào tạo					
1	Trình độ tiến sĩ Chuyên khoa cấp II chuyên ngành Y, được....		42		
2	Trình độ thạc sĩ Chuyên ngành Chế tạo máy, Quản lý Văn hóa, Lịch sử, Giáo dục học, Biểu diễn đàn Nguyệt, Chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y được....	Viên chức đảm bảo các điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 6, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP, phù hợp nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	264	Theo phân cấp quản lý	
II Bồi dưỡng					
1	Lý luận chính trị	Thực hiện theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Kế hoạch được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt			
2	Kiến thức quốc phòng và an ninh (đối tượng 2, 3)	Đối tượng 2 thực hiện theo văn bản triển khai của Ban Tổ chức Tỉnh ủy; đối tượng 3 thực hiện theo Kế hoạch của Hội đồng GDQP tỉnh.			
3	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức				
3.1	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục (khỏi các trường THPT hạng III)	Thực hiện theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	1,000	Sở GD&ĐT	
3.2	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành y tế	Thực hiện theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Y tế, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	500	Sở Y tế	

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (lượt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
3.3	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp kỹ sư chuyên ngành Khoa học và Công nghệ	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Khoa học và Công nghệ, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	47	Sở Khoa học và Công nghệ	
3.4	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành Công tác xã hội	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	40	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	
3.5	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên đoàn viên bệnh động vật hạng III	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Nông nghiệp và PTNT, phù hợp với vị trí việc làm	120	Sở Nông nghiệp và PTNT	
3.6	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Phương pháp viên hạng III	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	40	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
3.7	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Di sản viên hạng III		40		
3.8	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp lưu trữ	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	160	Sở Nội vụ (Chỉ cục VTLT)	
3.9	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp khác (Bảo vệ rừng, Giảng viên GDDN hạng...)	Thực hiện theo thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	332	Các sở, ngành có liên quan phối hợp với Sở Nội vụ	
4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức (áp dụng viên chức hành chính)				
4.1	Ngạch chuyên viên	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	300	Sở Nội vụ	
4.2	Ngạch chuyên viên chính	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình tài liệu bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	80		
5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm				

TT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (tuyệt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
5.1	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý				
5.1.1	Tương đương lãnh đạo, quản lý cấp sở	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, thông báo chiêu sinh của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	15	Sở Nội vụ	
5.1.2	Tương đương lãnh đạo, quản lý cấp phòng	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	267	Sở Y tế	
5.1.3	Tương đương lãnh đạo, quản lý cấp phòng	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Bộ Nội vụ, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	1,050	Sở Nội vụ	
5.2	Bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm, chuyển môn nghiệp vụ (chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung)				
5.2.1	Bồi dưỡng nghiệp vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình đạt chuẩn viên chức dân số	Theo quy định tại Quyết định ban hành chương trình bồi dưỡng của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	51	Sở Y tế	
5.2.2	Bồi dưỡng nghiệp vụ tư vấn, hỗ trợ cai nghiện ma túy	Viên chức thuộc cơ sở Điều trị nghiện ma túy, phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm	100	Sở LĐTB&XH	

Lưu ý: Ngoài các chương trình bồi dưỡng do tỉnh tổ chức trên, đề nghị đơn vị chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn các nội dung chương trình còn lại theo yêu cầu vị trí việc làm cho viên chức thuộc quyền quản lý (bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp, chuyển môn nghiệp vụ chuyên ngành, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức ngành giáo dục khối Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở...)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục 3

PHỤ LỤC BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung, chương trình bồi dưỡng	Đối tượng	Số lượng (lượt người)	Đơn vị chủ trì	Ghi chú
1	Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước	Cán bộ, công chức	180	Trường Chính trị tỉnh	6
2	Bồi dưỡng chuyên sâu cho các chức danh công chức cấp xã theo Đề án 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ	Công chức Văn phòng - Thống kê	80	Trường Chính trị tỉnh	
		Công chức Tư pháp - Hộ tịch	80		
		Công chức Văn hóa - Xã hội	80		
		Công chức Tài chính - Kế toán	80		
		Công chức ĐC-XD-NN-MT	90		
3	Bồi dưỡng nghiệp vụ Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Công chức Tư pháp - Hộ tịch	30	Sở Tư pháp	
4	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới	Cán bộ, công chức	300	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã	160	Trường Chính trị tỉnh	
6	Bồi dưỡng năng lực cho cán bộ cấp xã, phường, thị trấn làm công tác cai nghiện ma túy và quản lý sau cai	Theo thông báo của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng	200	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	

Lưu ý: Ngoài các chương trình bồi dưỡng do tỉnh tổ chức trên, đề nghị các đơn vị chủ động có kế hoạch bồi dưỡng các chương trình còn lại theo yêu cầu vị trí việc làm cho công chức thuộc quyền quản lý (bồi dưỡng đạo đức công vụ, bồi dưỡng đại biểu HĐND cấp xã, và những người hoạt động không chuyên trách...)